

Số: /KH-MNSB

Bắc Nha Trang, ngày tháng 10 năm 2025

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện Quy chế công khai trong hoạt động**  
**Trường Mầm non Sao Biển**  
**Năm học 2025 - 2026**

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v Ban hành Quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện công văn số 1388/UBND-VHXX ngày 09/9/2025 của UBND phường Bắc Nha Trang về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2025– 2026;

Thực hiện kế hoạch số 164/KH-MNSB ngày 10/10/2025 của Trường MN Sao Biển v/v Ban hành Kế hoạch năm học 2025-2026;

Thực hiện Quy chế công khai trong hoạt động của Trường Mầm non Sao Biển từ năm học 2025–2026.

Trường Mầm non Sao Biển xây dựng và triển khai kế hoạch Quy chế công khai trong hoạt động năm học 2025–2026 như sau:

**A. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU**

Thực hiện công khai cam kết của Trường Mầm non Sao Biển về chất lượng giáo dục, công khai về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, về thu chi tài chính, các công văn của cấp trên; việc tuyển dụng; nâng lương; thi đua đối với giáo viên, học sinh; vận động xã hội hóa, thu chi tài chính cuối năm, thu chi bán trú ...để người học; các cấp quản lý có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá theo quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai của trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

**B. NỘI DUNG CÔNG KHAI THEO TT09/2024/TT-BGDĐT**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHÀ TRƯỜNG**

- Tên nhà trường (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).
- Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).
- Loại hình của nhà trường, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp;

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường;

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo, thành viên của nhà trường (nếu có).

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của; quy chế dân chủ ở cơ sở; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

## **II. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GDMN**

### **1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên**

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp;

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

### **2. Thông tin về cơ sở vật chất**

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

### **3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục**

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

### **4. Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài (nếu có) hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau**

a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp;

b) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục;

c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.

## **III. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON**

### **1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của trường trong năm học**

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện và các thông tin liên quan;

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội;

d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em;

đ) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có).

### **2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước**

a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép);

b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có);

c) Số trẻ em học 02 buổi/ngày;

d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú;

đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ;

e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi;

g) Số trẻ em khuyết tật.

**3. Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục** của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng trẻ em đang học (chia theo số lượng trẻ em là người Việt Nam và số lượng trẻ em là người nước ngoài).

#### IV. THU, CHI TÀI CHÍNH

**1. Tình hình tài chính của nhà trường trong năm** tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

*a) Các khoản thu phân theo:* Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

*b) Các khoản chi phân theo:* Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

**2. Chính sách và kết quả thực hiện** chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

**3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù** (nếu có).

**4. Các nội dung công khai tài chính khác** thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

**5. Các khoản thu và mức thu đối với người học**, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của nhà trường trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

*a) Học phí và các khoản thu khác từ người học:* mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

Năm học 2025-2026, nhà trường triển khai thực hiện theo NĐ238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 v/v Nghị định quy định về chính sách học phí, miễn giảm hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Đối với mức thu học phí cụ thể năm học 2025-2026: Miễn học phí cho trẻ mầm non.

**b) Các khoản chi theo từng năm học:** các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/l học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

**c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách** hằng năm về trợ cấp và miễn giảm, giảm học phí đối với trẻ thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

**đ) Kết quả kiểm toán (nếu có):** thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

### **Tình hình tài chính của Trường Mầm non Sao Biển:**

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 61/2017/TT-BTC; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính.

Các khoản thu khác từ cha mẹ học sinh: Khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 02 năm học tiếp theo.

Công khai đầy đủ các khoản thu ngoài ngân sách (theo sự thoả thuận của phụ huynh).

| STT       | NỘI DUNG                                   | SỐ TIỀN         | GHI CHÚ      |
|-----------|--------------------------------------------|-----------------|--------------|
| <b>I</b>  | <b>Khoản thu bắt buộc</b>                  |                 |              |
| 1         | Học phí Nhà trẻ + mẫu giáo                 |                 | Miễn học phí |
| <b>II</b> | <b>Các khoản thu thoả thuận; tự nguyện</b> |                 |              |
| 1         | Phục vụ bán trú                            | 170.000đ/ tháng |              |
| 2         | Hỗ trợ phục vụ bán trú                     | 65.000đ/ tháng  |              |
| 3         | Tiền ăn                                    | 35.000/ ngày    |              |
| 4         | Phục vụ ăn sáng                            | 120.000/ tháng  |              |
| 5         | Tiền học thứ bảy                           | 70.000/ ngày    |              |
| 6         | Học tiếng Anh/ năng khiếu                  | 80.000đ/th/ môn |              |
| 7         | Trang trí lớp                              | 10.000/ tháng   |              |
| 8         | Tiền nước uống                             | 18.000/ tháng   |              |
| 9         | Tiền SỔ LL điện tử                         | 10.000/ tháng   |              |

|            |                                       |                              |            |
|------------|---------------------------------------|------------------------------|------------|
| 10         | Quỹ CMHS                              | Phụ huynh tự nguyện đóng góp |            |
| <b>III</b> | <b>Các khoản thu hộ trong năm học</b> | Có danh mục kèm theo         |            |
| 1          | Nhóm trẻ 18-24 tháng                  | 7,500                        | 1 danh mục |
| 2          | Nhóm trẻ 25-36 tháng                  | 25,500                       | 3 danh mục |
| 3          | Lớp MG 3-4 tuổi                       | 44,000                       | 4 danh mục |
| 3          | Lớp MG 4-5 tuổi                       | 45,000                       | 4 danh mục |
| 4          | Lớp MG 5-6 tuổi                       | 74,500                       | 6 danh mục |

## C. CÁCH THỨC CÔNG KHAI

### 1. Công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường bao gồm

a) Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục được quy định tính đến tháng 6 hằng năm;

b) Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của nhà trường tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm (theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại ***Phụ lục I: Mẫu báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên***;

c) Việc bố trí nội dung công khai được quy định trên cổng thông tin điện tử do nhà trường quyết định, bảo đảm thuận lợi cho việc truy cập, tiếp cận thông tin.

d) Phổ biến hoặc phát tài liệu về nội dung công khai vào đầu năm học mới tại cuộc họp cha mẹ trẻ em, hoặc phát tài liệu về nội dung công khai cho cha mẹ trẻ em vào tháng đầu tiên của năm học mới;

e) Các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.

### 2. Thời điểm công khai

a) Công bố công khai các nội dung theo quy định trước ngày 30/6 hằng năm.

Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hằng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức;

Thực hiện công khai thêm trên cổng thông tin điện tử hoặc niêm yết tại nhà trường (nếu chưa có cổng thông tin điện tử) các thông tin: kế hoạch giáo dục tháng, trước ngày 25 của tháng trước; kế hoạch giáo dục tuần, ngày và dự kiến thực đơn hàng ngày/tuần của trẻ em trước ngày thứ Bảy của tuần trước;

b) Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo quy định trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

**3. Ngoài việc thực hiện công khai theo quy định, phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan**

**D. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ LẬP BÁO CÁO NĂM HỌC 2025-2026**

| TT  | Nội dung                                                         | Người thực hiện     | Ghi chú                 |
|-----|------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------|
| 1.  | Thông tin chung <sup>2</sup> ( M1)                               | Trần Thị Phương     |                         |
| 2.  | Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên <sup>3</sup> ( M2) | Lương Thị An        | 12/2025-6/2026          |
| 3.  | Cơ sở vật chất <sup>4</sup> ( M3)                                | Võ Thị Khánh Hoà    | Tháng 9/2025<br>/6/2026 |
| 4.  | Kết quả hoạt động giáo dục <sup>6</sup> (M4)                     | Nguyễn Thị Hà (PHT) | 12/2025-6/2026          |
| 5.  | Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác (M4)               | Trần Thị Năm        |                         |
| 6.  | Kết quả tài chính <sup>7</sup> theo điều 5 TT09 (M5)             | Võ Lê Thanh Trúc    | 12/2025-6/2026          |
| 7.  | Kiểm định chất lượng giáo dục <sup>5</sup>                       | Mai Thị Nga         | 4/2026                  |
| 8.  | QĐ+ BB niêm yết công khai                                        | Phạm Thị Ngọc       | 12/2025-6/2026          |
| 9.  | QĐ+BB kết thúc niêm yết                                          | Phạm Thị Ngọc       |                         |
| 10. | Lưu trữ hồ sơ+ minh chứng                                        | Vũ Thuỷ Châu        | 6/2026                  |
| 11. | Đăng tải Web trường (PDF)                                        | Lương Thị An        | 6/2025+12/2026          |

Trên đây là kế hoạch thực hiện quy chế công khai của Trường Mầm non Sao Biển năm học 2025- 2026. Đề nghị các bộ phận nghiêm túc thực hiện. Mọi vướng mắc liên hệ trực tiếp với Hiệu trưởng để kịp thời giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT,HT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Thị Phương**

**PHỤ LỤC I****MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO  
DỤC THƯỜNG XUYÊN**

*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ  
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP**

**TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Năm:**

**I. THÔNG TIN CHUNG<sup>2</sup>**

**II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN<sup>3</sup>**

**III. CƠ SỞ VẬT CHẤT<sup>4</sup>**

**IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC<sup>5</sup>**

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC<sup>6</sup>**

**VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH<sup>7</sup>**

**VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC<sup>8</sup>**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

---

<sup>1</sup> Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

<sup>2</sup> Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

<sup>3</sup> Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

<sup>4</sup> Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

<sup>5</sup> Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

<sup>6</sup> Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

<sup>7</sup> Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

<sup>8</sup> Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành